

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 29- 01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 278/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phước Hải Đ (tên gọi khác Bùi Đ), sinh năm 1988 tại B; hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh B; chỗ ở: Khu 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Hoa X; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/01/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 19/11/2008 và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 06/11/2008, tổng hợp hình phạt của hai tội là 09 năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 26/7/2017, chấp hành xong án phí ngày 21/7/2010.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. Thái Tấn P, sinh năm 1987 tại L; hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh C; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Hồng B và bà Nguyễn Thị B2; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/10/2002, Thái Tấn P bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 14/6/2020. Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 25/7/2007 (giảm án 02 tháng + giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù), đã nộp án phí ngày 20/12/2006. Ngày 17/11/2014, Thái Tấn P bị Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 14/4/2015.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Minh P1 (tên gọi khác B), sinh năm 1988 tại B; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B; chỗ ở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ bạc; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Hà Thị N; có vợ là Lê Ngọc Phương D và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/4/2008, Nguyễn Minh P1 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 tháng tù treo thời gian thử thách 16 tháng về tội “Hủy hoại tài sản” đối với hành vi phạm tội ngày 15/6/2006. Đã chấp xong thời hạn thử thách, chấp hành xong án phí ngày 19/6/2008

Ngày 29/8/2020, bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát đến ngày 07/9/2020, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Công T, sinh năm 1999, địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phước Hải Đ và Thái Tấn P là bạn bè với nhau. Cả hai đều là đối tượng nghiện ma túy đá, không có nghề nghiệp ổn định.

Khoảng 15 giờ ngày 28/8/2020, Nguyễn Phước Hải Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển số 60F9-6091 chở P đi từ Ngã ba Thùng Thơ thuộc xã Phú An, thị xã Bến Cát đến địa bàn phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để mượn tiền của bạn đi chuộc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Blade, màu đỏ đen, biển số 71C1-652.13 mà cả hai đã cầm cố cho Nguyễn Minh P1, nhưng không gặp bạn nên quay về. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi về đến đoạn đường Quốc lộ 13 chạy ngang qua cửa phân bón Ba Đ1 thuộc đường khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Đ phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 của anh Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) đang dựng trước cửa hàng, đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng ra Quốc lộ 13, chìa khóa đang cắm trên ổ khóa, không có người trông coi. Lúc này, Đ nói với P “Có thấy chiếc xe để chìa khóa sẵn không”. P hiểu ý Đ nói là lấy trộm xe mô tô nên Đ dừng xe mô tô biển số 60F9-6091 cách vị T cửa hàng Ba Đ1 khoảng 10 m, ngồi trên xe cảnh giới, P xuống xe lén lút đi lại tiếp cận xe mô tô Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 rồi đẩy xe ra đường khởi động máy điều khiển thẩu thoát. Đến 17 giờ cùng ngày, Đ và P đem xe mô tô biển số 61R1-6090 vừa trộm được đến gặp Nguyễn Minh P1 để đổi lấy chiếc xe mô tô biển số 71C1-652.13 (biển số được cất giấu trong cốp xe) mà Đ và P trộm được vào ngày 26/8/2020. Sau đó, Đ và P đem xe mô tô biển số 71C1-652.13 đến khu vực thị xã Tân Uyên bán cho Nguyễn Văn An (sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: Khu phố Tân Phú, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) với giá 4.000.000 đồng, khi đến bán xe An có hỏi về nguồn gốc xe mô tô biển số trên thì Đ nói với An xe mô tô trên do P và Đ trộm được mà có, không có giấy tờ Đ ký xe, A đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng, nhưng A đưa trước cho P 1.000.000 đồng, còn số tiền 3.000.000 đồng, A hẹn ngày 29/8/2020 sẽ trả cho P và Đ.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ1, sau khi phát hiện xe nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 bị mất trộm, anh Đ1 đã đến Công an phường Tân Định trình báo sự việc.

Sáng ngày 29/8/2020, P và Đ đến khu vực xã An Tây uống cà phê thì bị lực lượng Công an mời làm việc. Cùng ngày, lực lượng Công an đã mời P1 làm việc. Tại cơ quan điều tra, P, Đ và P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình lời khai phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Sau đó, vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát thụ lý theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô hiệu Blade, biển số 71C1-652.13, Đ và P khai nhận: Sáng ngày 26/8/2020, P và Đ đi trên đoạn đường Nguyễn Hữu Cảnh thuộc khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Đ và P phát hiện chiếc xe mô tô biển số 71C1-652.13 do anh Trần Văn H đứng tên chủ sở hữu giao cho con trai của mình là Trần Công T sử dụng, dựng phía ngoài

phòng trọ của nhà trọ Nguyễn Thị Nghè không có người trông coi. Đ và P cùng nhau lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 71C1-652.13 chạy đi. Sau đó, Đ đem xe đến cầm cố cho Nguyễn Minh P1.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva màu xanh, biển số 60F9- 9061
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Blade màu đỏ- đen biển số 74C1-130.46
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, biển số 61R1-6090

Quá trình điều tra, Nguyễn Phước Hải Đ, Thái Tấn P, Nguyễn Minh P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận định giá ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 61R1-6090 trị giá 11.630.000 đồng.

Theo Kết luận định giá ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 71C1-652.13 trị giá 14.330.000 đồng.

Ngày 14/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 cho ông Nguyễn Văn Đ1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển số 60F9- 9061: Chủ sở hữu là ông Nguyễn Cao T2 (sinh năm 1971; nơi thường trú: Số 96A/2, khu phố 5, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Năm 2008, anh Thắng bán xe cho anh Nguyễn Quốc T1 (sinh năm 1984, nơi thường trú: Khu phố 7; phường Tân An; thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương). Ngày 28/8/2020, anh Thái cho Đ mượn xe để làm P tiện đi lại, nhưng Đ đã sử dụng xe làm P tiện phạm tội. Ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả lại xe mô tô cho anh Thái.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, Kiểm sát viên không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã Bến Cát.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSBC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đ và bị cáo P về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đ và P khai nhận: Ngày 28/8/2020, Đ chở P đến đoạn đường Quốc lộ 13 chạy ngang qua cửa phân bón Ba Đ1 thuộc đường khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Đ phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 của anh Nguyễn Văn Đ1 đang dựng trước cửa hàng, đầu xe hướng vào trong, đuôi xe hướng ra Quốc lộ 13, chìa khóa đang cắm trên ổ khóa, không có người trông coi. Đ nói với P “Có thấy chiếc xe để chìa khóa sẵn không”. P hiểu ý Đ nói là lấy trộm xe mô tô nên Đ dừng xe mô tô biển số 60F9-6091 cách vị T cửa hàng Ba Đ1 khoảng 10 m, ngồi trên xe cảnh giới, P xuống xe lên lút đi lại tiếp cận xe mô tô Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 rồi đẩy xe ra đường khởi động máy điều khiển thẩu thoát. Sau đó, Đ và P chạy tới nhà gặp P1 mục đích đổi lấy xe biển số 71C1-652.13, khi đến nhà P1 thấy P1 đang có khách, Đ và P ngồi chờ P1, sau đó nhìn thấy xe biển số 71C1-652.13 đang dựng trong nhà xe của P1 nên Đ và P tự ý đẩy xe biển số 71C1-652.13 ra và đẩy xe biển số 61R1-6090 vô nhà xe và lấy xe 71C1-652.13 chạy đi.

- Bị cáo P1 khai nhận: P1 có cầm xe biển số 71C1-652.13 cho Đ và P với giá 2.500.000 đồng, lúc cầm không có hỏi giấy tờ xe vì là do người quen giới thiệu, sau khi cầm xong P1 biết đây là xe do Đ và P trộm được nhưng không trình báo. Ngày 28/8/2020, Đ và P có tới nhà gặp P1 nhưng lúc đó P1 đang có khách nên chưa nói chuyện, xong công việc thì không thấy Đ và P nên có chạy ra nhà xe kiểm tra thì không thấy xe biển số 71C1-652.13 mà thấy xe biển số 61R1-6090, P1 kiểm tra phát hiện xe của cán bộ phường Tân Định nên điện thoại nhờ bạn làm Công an phường Tân An gọi hỏi Công an phường Tân Định xem có ai bị mất trộm xe biển số 61R1-6090.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đ đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Hải Đ mức án từ 12 đến 14 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P đề nghị:

Xử phạt bị cáo Thái Tấn P mức án từ 10 đến 12 tháng;

Đối với bị cáo Nguyễn Minh P1, tại cáo trạng Viện kiểm sát có nêu về tình tiết điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P1. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P1.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P1 từ 7 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong phần tranh luận, các bị cáo thống nhất nội dung luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình:

Ngày 26/8/2020, tại khu vực đường Nguyễn Hữu Cảnh thuộc khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị cáo Đ và P có hành vi lấy trộm xe mô tô biển số 71C1-652.13 của anh Nguyễn Công T rồi mang đến cầm cố cho bị cáo P1. Bị cáo P1 biết xe mô tô biển số 71C1-652.13 do các bị cáo Đ và P lấy trộm mà có nhưng vẫn đồng ý cho bị cáo Đ và P cầm cố với giá 2.500.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 28/8/2020, tại trước cửa hàng Ba Đ1 cạnh đường Quốc lộ 13, thuộc khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Nguyễn P1 Hải Đ có hành vi cảnh giới cho Thái Tấn P thực hiện hành vi lên lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 61R1-6090 của anh Nguyễn Văn Đ1.

Khi đến nhà P1 thấy P1 đang có khách, Đ và P thấy xe biển số 71C1-652.13 đang dựng trong nhà xe nên Đ và P tự ý đẩy xe biển số 71C1-652.13 ra

và đẩy xe biển số 61R1-6090 vô nhà xe và lấy xe 71C1-652.13 chạy đi. Sau đó, P1 kiểm tra và báo công an.

Theo Kết luận định giá ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 61R1-6090 trị giá 11.630.000 đồng.

Theo Kết luận định giá ngày 20/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 71C1-652.13 trị giá 14.330.000 đồng.

Như vậy, hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn Đ1, các bị cáo Đ và P đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 61R1-6090 trị giá 11.630.000 đồng đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo P1 biết rõ xe mô tô biển số 71C2-652.13 là do bị cáo Đ và P lấy trộm mà có nhưng vẫn đồng ý cho các bị cáo Đ và P cầm cố với số tiền 2.500.000 đồng. Hành vi này của bị cáo P1 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Đ, P và P1 đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 06/CT-VKSBC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Đ và P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhận thức:

Các bị cáo Đ và P hoàn toàn biết hành vi lén lút lấy trộm tài sản là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Các bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa P.

Bị cáo P1 biết rõ hành vi cầm cố đối với tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi, xem thường pháp

luật, cố tình thực hiện. Do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa P.

Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đ có ông nội là Nguyễn Văn Trông là thương binh 2/4. Bị cáo P1 bồi thường thiệt hại cho ông Đâu, ông Đ1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát sẽ áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đ; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P và điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P1 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Đ và P không có tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo P1: Đề nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P1 là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo Đ và P phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đ là người khởi xướng rủ rê bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đ là người cảnh giới còn bị cáo P là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản nên. Do đó, hình phạt đối với bị cáo Đ phải cao hơn đối với bị cáo P.

Xét thấy, bị cáo P1 phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, hiện có việc làm ổn định, hình phạt tù không quá 03 năm, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu cho cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn có thể giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy, thiết nghĩ nên áp dụng hình phạt có điều kiện cho bị cáo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo cơ hội hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời nên ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Bị hại Đ1 yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo P1 đã bồi thường xong. Bị hại Đ1 không yêu cầu gì thêm nên không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[5] Về vật chứng:

- Xe mô tô biển số 71C1-652.13 (biển số giấu trong cốp xe) gắn biển số 74C1-130.46 đã chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để điều tra theo thẩm quyền là phù hợp.

- Xe mô tô biển số 61R1-6090 đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ1 là phù hợp.

- Xe mô tô hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển số 60F9- 9061 của anh Nguyễn Quốc Thái. Anh Thái cho bị cáo Đ mượn xe và không biết Đ sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên giao trả xe cho anh Thái là phù hợp.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đ, P và P1 phải nộp theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước Hải Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Hải Đ mức án 12 (mười hai) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Thái Tấn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Thái Tấn P mức án 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo Đ và P tính từ ngày 29/8/2020

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P1 phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án 29/01/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Minh P1 cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh B quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp trong thời gian thử thách, bị cáo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc sẽ được giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo Đ, P, P1 phải nộp 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Thị Ngọc Bích